

Số: 113/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số **127/2026/TLST-HNGĐ** ngày **02/04/2026**, về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trương Ngọc H**, sinh ngày 15/02/2003; Nơi cư trú: **Tổ dân phố E T, phường H, tỉnh Tuyên Quang**; Số điện thoại: 0886815203; số CCCD 002303003215 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội **Bộ C** cấp ngày 07/04/2021.

Bị đơn: Anh **Đỗ Quý D**, sinh ngày 14/04/1991. Nơi cư trú: **Tổ dân phố E T, phường H, tỉnh Tuyên Quang**; Số điện thoại: **0889968933**; số CCCD 002091000407 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội **Bộ C** cấp ngày 02/04/2021.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 6 Điều 19, Khoản 07 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí Tòa án .

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **21 tháng 04 năm 2026**

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **21 tháng 04 năm 2026** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn chị **Trương Ngọc H** và anh **Đỗ Quý D**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trương Ngọc H** và anh **Đỗ Quý D** thuận tình ly hôn;

- Về việc nuôi con: Chị **Trương Ngọc H** và anh **Đỗ Quý D** thống nhất thoả thuận giao cho anh **Đỗ Quý D** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

con chung là **Đỗ Trương Linh N**, sinh ngày 09/11/2021 cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi. Chị **Trương Ngọc H** không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Sau khi ly hôn chị **Trương Ngọc H** không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con sau khi ly hôn chị **Trương Ngọc H**, anh **Đỗ Quý D** có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Chị **Trương Ngọc H** và anh **Đỗ Quý D** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị **Trương Ngọc H** tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị **Trương Ngọc H** đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai số 0000659 ngày 02/04/2026. Chị **Trương Ngọc H** được hoàn trả 150.000 đồng tiền án phí chênh lệch.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (Đề thi hành);
- VKSND Khu vực 4-Tuyên Quang;
- UBND phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- THA dân sự tỉnh Tuyên Quang(Đề thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Trần Xuân Đạt